ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 24 /2025/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2079/TTr-SNNMT ngày 12/8/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai, quán triệt, chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Nông nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, DK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Út

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Nông nghiệp là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Nông nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Cục chuyên ngành liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được giao; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực được giao trên địa bàn cấp tỉnh;

c) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục;

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo sự phân công hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực được giao thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

4. Về trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương;

c) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo độ phì của đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất thuộc nhiệm vụ của Sở và quy định của pháp luật; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thực hiện cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch hại thực vật; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

h) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp.

5. Về chăn nuôi và thú y

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về khu vực không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật theo hướng công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi bảo đảm việc truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; thực hiện phòng, chống dịch động vật trên cạn; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật trên cạn gây ra; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật tại địa phương; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi sau dịch bệnh động vật trên cạn;

c) Tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch bệnh, công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

h) Tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm tra, kiểm soát giết mổ động vật theo quy trình và giám sát vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

k) Tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước đặc thù trong lĩnh vực thú y về tiêu độc khử trùng cho các cơ sở và phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

6. Về diêm nghiệp

a) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức chế biến muối tại địa phương;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc chế biến, bảo quản muối và các sản phẩm từ muối ở địa phương; thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, môi trường của các cơ sở chế biến, kinh doanh muối (không bao gồm muối dùng trong lĩnh vực y tế).

7. Về thủy sản

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên; ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản, Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Giám đốc Sở giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức sản xuất, khai thác thủy sản; quản lý đối với khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề

cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản, chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, khu bảo tồn đất ngập nước; công tác nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản;

c) Tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh; cấp, cấp lại, thu hồi quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

d) Quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát việc tham gia hội chợ, triển lãm, nghiên cứu khoa học và xử lý giống thuỷ sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau khi hội chợ, triển lãm kết thúc (đối với trường hợp nhập khẩu để trưng bày tại hội chợ, triển lãm) của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện các thủ tục hành chính về công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản; công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo phân cấp và quy định pháp luật; thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn thực phẩm trên tàu cá, tại cảng cá, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ tại cảng cá; quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét; thu thập, tổng hợp báo cáo số liệu về thủy sản qua cảng cá theo quy định;

e) Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định;

g) Tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm tại chợ thủy sản đầu mối trên địa bàn tỉnh; quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

8. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, thu hồi chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm

vi được phân công trên địa bàn tỉnh; cấp, bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hoá xuất khẩu theo phân cấp;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Thẩm định, đánh giá, xếp loại về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối;

d) Thực hiện các chương trình giám sát, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật;

e) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Về chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông sản, lâm sản, thủy sản và muối;

c) Thực hiện công tác thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường, chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

10. Tham mưu Giám đốc Sở, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

11. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ

liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực được giao; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở về lĩnh vực được giao theo quy định;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường thuộc lĩnh vực được giao theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê về lĩnh vực được giao phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; triển khai truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp thông minh, nông thôn số, nông dân số; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về lĩnh vực được giao theo quy định.

12. Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực, tham mưu Giám đốc Sở, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh tổ chức triển khai phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường, của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

13. Tham mưu Giám đốc Sở tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực được giao trong phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chủ trì tham mưu Giám đốc Sở, trình Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc chuyên ngành, lĩnh vực phụ trách.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

15. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực nông nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

16. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện đầu tư xây dựng các dự án và xây dựng mô hình phát triển về lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

17. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh; tham mưu Giám đốc Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong Chi cục; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ủy quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

20. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Cục chuyên ngành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

21. Chủ trì tham mưu Lãnh đạo Sở thực hiện lập đề cương, dự thảo dự toán kinh phí, theo dõi tiến độ thực hiện; phối hợp với Phòng Quản lý xây dựng công trình kiểm tra về số lượng, chất lượng sản phẩm, kết quả của các kế hoạch, nhiệm vụ, dự án có sử dụng vốn ngân sách thuộc lĩnh vực, chức năng quản lý của đơn vị

22. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục gồm:

a) Phòng Hành chính.

b) Phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

c) Phòng Chăn nuôi và Thú y.

d) Phòng Thủy sản.

đ) Phòng Quản lý chất lượng.

2. Đơn vị trực thuộc Chi cục:

a) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân An: Bao gồm các phường Long An, phường Tân An và phường Khánh Hậu.

b) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Bến Lức: Bao gồm các xã Bến Lức, xã Thạnh Lợi, xã Lương Hòa, xã Bình Đức và xã Mỹ Yên.

c) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Đức Hòa: Bao gồm các xã Hậu Nghĩa, xã Đức Hòa, xã Hiệp Hòa, xã Đức Lập, xã Mỹ Hạnh, xã An Ninh, xã Hòa Khánh.

d) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Đức Huệ: Bao gồm các xã Mỹ Quý, xã Đông Thành, xã Đức Huệ.

đ) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Cần Giuộc: Bao gồm các xã Cần Giuộc, xã Phước Lý, xã Mỹ Lộc, xã Phước Vĩnh Tây, xã Tân Tập.

e) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Cần Đước: Bao gồm các xã Cần Đước, xã Cang, Rạch Kiến, xã Mỹ Lệ, xã Tân Lân, xã Long Hựu.

g) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Trụ: Bao gồm các xã Tân Trụ, xã Nhựt Tảo, xã Vàm Cỏ.

h) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tầm Vu: Bao gồm các xã Tầm Vu, xã Thuận Mỹ, xã An Lục Long, xã Vĩnh Công.

i) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Thủ Thừa: Bao gồm các xã Thủ Thừa, xã Mỹ An, xã Mỹ Thạnh, xã Tân Long.

k) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Thạnh Hóa: Bao gồm các xã Thạnh Hóa, xã Bình Thành, xã Thạnh Phước, xã Tân Tây.

l) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Thạnh: Bao gồm các xã Tân Thạnh, xã Hậu Thạnh, xã Nhơn Hòa Lập, xã Nhơn Ninh.

m) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Mộc Hóa: Bao gồm xã Mộc Hóa, xã Bình Hòa.

n) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Kiến Tường: Bao gồm xã Bình Hiệp, xã Tuyên Thạnh và phường Kiến Tường.

o) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Vĩnh Hưng: Bao gồm xã Vĩnh Hưng, xã Tuyên Bình, xã Khánh Hưng.

ơ) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Hưng: Bao gồm xã Tân Hưng, xã Hưng Điền, xã Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Châu.

p) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Ninh: Bao gồm phường Tân Ninh, phường Bình Minh, phường Ninh Thạnh.

q) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Hòa Thành: Bao gồm phường Long Hoa, phường Hòa Thành, phường Thanh Điền.

r) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Trảng Bàng: Bao gồm phường Trảng Bàng, phường An Tịnh, xã Hưng Thuận, xã Phước Chỉ.

s) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Gò Dầu: Bao gồm phường Gia Lộc, phường Gò Dầu, xã Thạnh Đức, xã Phước Thạnh.

t) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Dương Minh Châu: Bao gồm xã Dương Minh Châu, xã Truông Mít, xã Cầu Khởi, xã Lộc Ninh.

u) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Châu: Bao gồm xã Tân Châu, xã Tân Phú, xã Tân Hòa, xã Tân Thành, xã Tân Hội, xã Tân Đông.

ư) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tân Biên: Bao gồm xã Tân Biên, xã Tân Lập, xã Thạnh Bình, xã Trà Vong.

v) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Châu Thành: Bao gồm xã Châu Thành, ã Hảo Đước, xã Ninh Điền, xã Hòa Hội, xã Phước Vinh.

x) Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Bến Cầu: Bao gồm các xã Bến Cầu, xã Long Thuận, xã Long Chữ.

3. Biên chế

a) Lãnh đạo Chi cục: Chi cục Nông nghiệp có Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng. Chi cục trưởng Chi cục Nông nghiệp là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục. Phó Chi cục trưởng giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công và chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng do Giám đốc Sở quyết định theo phân cấp thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng, các công chức, viên chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động. Các Trạm Chăn nuôi và Thú y có Trưởng trạm, Phó Trưởng trạm và công chức, viên chức.

Các chức danh quản lý các phòng chuyên môn, Trạm Chăn nuôi và Thú y thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định.

c) Biên chế công chức của Chi cục Nông nghiệp được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phân bổ trong tổng chỉ tiêu biên chế của Sở

Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ hàng năm trên cơ sở đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Việc quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, người lao động của Chi cục Nông nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

đ) Số lượng người làm việc trong đơn vị trực thuộc Chi cục Nông nghiệp do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phân bổ hằng năm trên cơ sở đề án xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Lãnh đạo Sở: Chi cục Nông nghiệp chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở phụ trách; được Giám đốc Sở uỷ quyền tham dự các cuộc họp có liên quan đến công tác chuyên môn của Chi cục Nông nghiệp và đóng góp ý kiến về các vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề khác thuộc phạm vi được ủy quyền theo quy định.

2. Đối với các phòng, đơn vị thuộc Sở: Phối hợp chặt chẽ để thực hiện các nhiệm vụ do lãnh đạo Sở giao và tuân theo quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường trường hợp có vướng mắc kịp thời báo cáo Giám đốc Sở để chỉ đạo.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Phối hợp trong triển khai nhiệm vụ chung của ngành.

4. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân: Phối hợp thực hiện đúng chức năng, chức trách theo chức năng, nhiệm vụ được giao và trách nhiệm của công chức nhà nước phục vụ tổ chức và công dân./.